

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/HNGĐ-ST**

Ngày: 17- 4 - 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Cường
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị N**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ Bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Có đơn xin xử vắng mặt”

2. Bị đơn: Anh **Cầm Ngọc Hùng**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày: Chị và anh Cầm Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2019 tại UBND phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời lêu đẽ, uống rượu, không quan tâm đến gia đình, từ tháng 7/2022 chị N đã về bên ngoại ở. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần góp ý, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị N xác định không còn tình cảm đối với anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Cầm Thu H, sinh ngày 17/6/2019, chị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị N đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn của Lương Thị N và Chăm Ngọc H (số 27 ngày 11/7/2019); bản sao giấy khai sinh của Chăm Thu H; bản sao căn cước công dân của Lương Thị N và Chăm Ngọc H; bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Chăm Văn T.

Tại bản tự khai bị đơn anh Chăm Ngọc H trình bày: Anh và chị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2019 tại UBND phường T, thị xã Nghĩa Lộ. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ tháng 7/2022 chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống, nay chị N xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung, anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chăm Thu H, sinh ngày 17/6/2019, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thể hiện, chị N và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 11/7/2019. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 7/2022 chị Ngọc đã mang con về bên ngoại sinh sống; con chung hiện tại đang ở cùng với chị N. Nay chị N xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh H và chị N không bổ sung tài liệu gì. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H thống nhất ly hôn; Về con chung: Chị N và anh H đều nhận được nuôi con, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của anh H tại phiên tòa:* Về quan hệ hôn nhân, nhất trí ly hôn; Về con chung, nhận nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị N; Công nhận chị Lương Thị N và anh Chăm Ngọc H thống nhất thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chăm Thu H, sinh ngày 17/6/2019; chị N không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 30/01/2023 chị Lường Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Chăm Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2023/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập cho các đương sự; chị Lường Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lường Thị N và anh Chăm Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 11/7/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, anh chị đều thừa nhận nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng đã ly thân, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Ngọc là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị N và anh H đã thống nhất ly hôn nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của họ.

[4] *Về con chung:* Chị N và anh H có 01 con chung là Chăm Thu H, sinh ngày 17/6/2019. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng từ khi anh chị sống ly thân, con chung ở cùng với mẹ, chị N có công việc và thu nhập tương đối ổn định, trong cuộc sống luôn chấp hành tốt các quy định của nhà nước và địa phương, không vi phạm gì về đạo đức. Mặt khác cháu H là con gái, nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc về tâm sinh lý do người mẹ đảm nhiệm sẽ tốt hơn so với người cha. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao con cho chị N nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh H cũng có nguyện vọng được nuôi cháu H, nhưng qua xác minh thấy rằng anh H thường đi làm xa nhà, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung sẽ không đảm bảo. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc nhận nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung:* Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn chị Lường Thị N và anh Cẩm Ngọc H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lường Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Cẩm Thu H, sinh ngày 17/6/2019. Anh Cẩm Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0003012 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Cẩm Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Lường Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND P. Trung Tâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Phú

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND P. Trung Tâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Phú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ phút, ngày 17 tháng 4 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Cường

2. Bà Nguyễn Thị Lý

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị Ngọc, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ Bản Lè, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- *Bị đơn*: Anh Cầm Ngọc Hùng, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ Bản Lè, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị Ngọc và anh Cầm Ngọc Hùng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 11/7/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Xác định việc chị Ngọc và anh Hùng có đăng ký kết hôn là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2023, chị Ngọc làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Hùng. Thấy rằng, sau khi kết hôn anh chị về sống cùng với gia đình chồng tại phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng đã ly thân, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc được ly hôn với anh Hùng. Do chị Ngọc và anh Hùng đã thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của họ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. *Về con chung*: Chị Ngọc và anh Hùng có 01 con chung là Cầm Thu Hương, sinh ngày 17/6/2019. Chị Ngọc và anh Hùng đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng từ khi anh chị sống ly thân, con chung

ở cùng với mẹ, chị Ngọc có công việc và thu nhập tương đối ổn định, trong cuộc sống luôn chấp hành tốt các quy định của nhà nước và địa phương, không vi phạm gì về đạo đức. Mặt khác cháu Hương là con gái, việc nuôi dưỡng chăm sóc về tâm sinh lý do người mẹ đảm nhiệm sẽ tốt hơn so với người cha. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao con cho chị Ngọc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với anh Hùng cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Hương, nhưng qua xác minh thấy rằng anh Hùng thường đi làm xa nhà, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung sẽ không đảm bảo. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Hùng về việc nhận nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Ngọc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. *Về tài sản chung*: Chị Ngọc và anh Hùng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. *Về án phí*: Nguyên đơn, chị Lương Thị Ngọc phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi giờ ... phút, ngày 17 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

